



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM _____
Last HUYNH Middle NGOC First CAM

Current Address: 291/84 K.L. LE Van Uy - P.12. Q.3 - HCM City

Date of Birth: 1939 Place of Birth: Nghĩa-Binh

Previous Occupation (before 1975) Anti-Communist
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 01-31-1976 To 12-17-1988
Years: 13 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

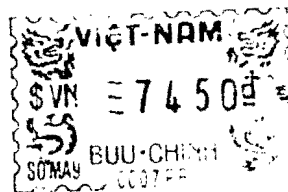
From HUYNH NGOC CẨM

491/84 K.L. LÊ VĂN - SỸ

FƯỜNG 12 QUÂN 3

TP HỒ CHÍ - MINH

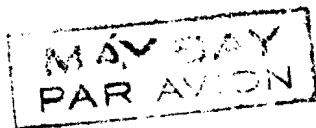
V.N.



To Madam Khúc Minh Thơ

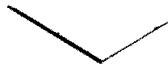
P.O. BOX 5435 Arlington

VA 22205-0635



U.S.A





To :

MADAM KHUC MINH THO

PO BOX 5435 Arungton VA 22205-0635

U.S.A.

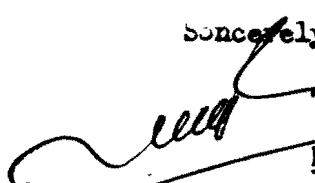
It gives me a greqt honour to submit to your examination my case as follows :

I served in the Republic of Vietnam Armed force as sou-officer

N. matricule 60/403497, ABC 4448 in the Transport Dision 5 Company 514 Commander : Capitain PHAM VAN THANH in BANME-THOUT from 1968 to 1975. After 1975 I was in reeducation camp at Banme thuot . I escaped to Binhdin province and was deained in Quinhon reeduction camp . I was involved in the Violent - measures abd was sentenced 20 years in prison . I was moved from Quinhon camp to Kim son, then to GIATRUNG camp . I was liberated on December 17th 1988 (Certificate of liberation enclosed .

Therefore I beg you to examine my case if I am able to immigrate in USA. In the positive and by your humanity act to give me a favour, please let me know how I can complete my fole .

Sincerely Yours .



HUYNH NGOC CAM .

BỘ NỘI VỤ
Trại GIA TRUNG
Số 244 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	6	8	3	0	3	3	7	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thủ hành 4 lần, quyết định tha số 138X ngày 28 tháng 11 năm 1988

của Hội đồng đặc xá Trung ương

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUYỀN NGỌC CẨM Sinh năm 19 39

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Nghĩa Bình

Nơi đăng ký, nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 27 Phan Chu Trinh, Hải cảng quy Nhơn, Nghĩa Bình.

Cán tại am mưu lặt vặt chính quyền

Bị bắt ngày 31/01/1976 An phạt 20 năm

Theo quyết định, án văn số 138S ngày 17 tháng 03 năm 1977 của toà án nhân dân tỉnh Nghĩa Bình

Đã bị tống án 1 lần, cộng thành 1 năm 1 tháng

Đã được giảm án 06 lần, cộng thành 06 năm 06 tháng

Nay về cư trú tại 27 Phan Chu Trinh, Hải cảng quy Nhơn, Nghĩa Bình

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo ở trại đã cố nhiều cố gắng, tin tưởng vào đường lối chính sách giáo dục của Đảng, chịu cải tạo. Lao động tham gia đều, hoàn thành công việc được giao. Nội quy chưa vi phạm gì lớn./.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: quang trung - Quy Nhơn

Trước ngày 18 tháng 12 năm 1988

Lưu tại
Cán bộ
Danh bạ số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

HUYỀN NGỌC CẨM

Ngày 17 tháng 12 năm 1988

Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại GIA TRUNG

Số 244 /HS

0	0	3	6	8	1	0	3	3	7	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

CHSLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thực hành 11DX quyết định của 11DX ngày 28 tháng 11 năm 1988

của Hội đồng đặc xá Trung ương

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUYỀN NGỌC CẨM Sinh năm 19 39

Các tên gọi khác

Nơi sinh Nghĩa Bình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 27 Phan Chu Trinh, Hải cảng Quy Nhơn, Nghĩa Bình

Cơ quan mưu sát độc chính quyền

Bị bắt ngày 31/01/1976

Án phạt 20 năm

Theo 11DX án văn số 13HS ngày 17 tháng 03 năm 1977 của toà án nhân dân

ở Nghĩa Bình

Đã bị 1 án 1 lần, cộng thành 1 năm 1 tháng

Đã được giảm án 06 lần, cộng thành 06 năm 06 tháng

Nay về cư trú tại 27 Phan Chu Trinh, Hải cảng Quy Nhơn, Nghĩa Bình

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo ở trại đã cố nhiều cố gắng, tin tưởng vào đường lối chính sách giáo dục của Đảng, chịu cải tạo. Lao động tích cực, hoàn thành công việc được giao. Nội quy chưa sai phạm gì lớn.//

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: quang trung - Quy Nhơn

Trước ngày 18 tháng 12 năm 19 88

Lưu tại

Của Huyện

Danh bạ số

Lưu tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

HUYỀN NGỌC CẨM

Ngày 17 tháng 12 năm 19 88

Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

PRIVATE = Binh nhì
 PRIVATE 1st CLASS = Binh nhất
 CORPORAL = Hạ sĩ
 CORPORAL 1st CLASS = Hạ sĩ nhất
 SERGEANT = Trung sĩ
 SERGEANT 1st CLASS = Trung sĩ nhất
 MASTER SERGEANT = Thượng sĩ
 WARRANT OFFICER = Chuẩn úy
 SECOND LIEUTENANT = Thiếu úy
 FIRST LIEUTENANT = Trung úy
 CAPTAIN = Đại úy
 MAJOR = Thiếu tá

LIEUTENANT COLONEL = Trung tá

COLONEL = Đại tá

(Sub) BRIGADIER GENERAL = Chuẩn tướng, Phó tướng

MAJOR GENERAL = Trung tướng

GENERAL OF THE ARMY = Đại tướng

(4 stars, 5 stars)

FAMILIES OF VIETNAMESE
 POLITICAL PRISONERS ASSOC.
 P.O. BOX 5435
 ARLINGTON, VA 22205-0635

- ARVN = Quân lực VN CH
 - VN AIRFORCE = Không quân
 - VN NAVY = Hải quân
 - MARINE CORPS = Thủy quân Lục chiến
 - ENGINEERING = Công binh
 - ARTILLERY = Pháo binh
 - ORDNANCE = Quân械
 - QUARTER MASTER = Quân nhu
 - MEDICAL CORPS = Quân y
 - COMMUNICATIONS = Viễn thông

- TRANSPORTATION = Quân vận
 - SPECIAL FORCES = Lực lượng đặc biệt
 - CENTRAL INTELLIGENCE
 ORGANIZATION =
 Trung ương Tình báo